

Báo cáo cập nhật KQKD Quý II – DHG

HOSE · Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang



LNTT QUÝ 2

358tỷ đồng · **+31,5% svck**

LNTT 6 THÁNG

706tỷ đồng · **+24,7% svck**

DT THUẦN · QUÝ 2

1.363tỷ đồng · **+15,1% svck**

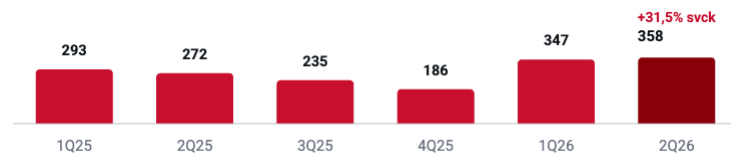
BIÊN LN GỘP · QUÝ 2

51,9%kỷ lục · **+2,5 điểm % svck**

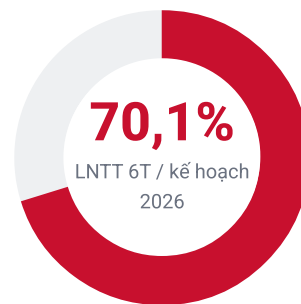
ĐÁNH GIÁ KQKD QUÝ 2

KQKD quý 2/2026 tích cực: doanh thu thuần **1.363 tỷ (+15,1% svck)** và LNTT tăng **31,5%** lên 358 tỷ nhờ biên gộp kỷ lục **51,9%** và hết chi phí lãi vay. Bảng cân đối lành mạnh, **không nợ vay**, hơn 1.765 tỷ tiền mặt và tiền gửi; ROE duy trì cao (2026F **~27,7%**) nhờ sinh lời cốt lõi, đồng thời do phần lớn lợi nhuận được chia cổ tức thay vì giữ lại nên vốn chủ không tăng nhanh. Ở **P/E dự phóng ~10,6 lần**, thấp hơn trung bình nhóm thuốc gốc (~14 lần), TCBS Research cho rằng định giá chưa phản ánh đầy đủ vị thế đầu ngành và cổ tức ổn định ~100% mệnh giá của DHG. Tổng thể đây là cổ phiếu hấp dẫn; NĐT có thể nắm giữ và theo dõi cổ phiếu này.

Lợi nhuận trước thuế theo quý · tỷ đồng



TIẾN ĐỘ LỢI NHUẬN NĂM



* Kế hoạch LNTT 2026 được ĐHĐCĐ thông qua là 1.007 tỷ đồng (đặt thận trọng, gần như đi ngang so với thực hiện 2025). Chúng tôi dự phóng cả năm ~1.336 tỷ.

ĐIỂM NHẤN

+31,5%
SVCK

Lợi nhuận trước thuế Quý 2

358 tỷ · tăng vượt xa doanh thu nhờ đòn bẩy vận hành & hết lãi vay

51,9%

BIÊN GỘP

Biên lợi nhuận gộp kỷ lục

+2,5 điểm % svck · thuốc tự sản xuất đạt biên tới 54,2%

70,1%

KH NĂM

LNTT 6 tháng so kế hoạch năm

706 / 1.007 tỷ · nhiều khả năng vượt kế hoạch

CẦN THEO DÕI

16,6%
THUẾ Q2

Thuế suất bật từ 9,1% quý trước

LNST giảm nhẹ q/q do thời điểm ghi nhận thuế · hoạt động kinh doanh cốt lõi vẫn cải thiện

~5,7%

FREE FLOAT

Rủi ro tư cách công ty đại chúng

Taisho + SCIC nắm 94,3% vốn · dự kiến phát hành CP thường

10,4

TỶ · THUẾ

Truy thu & xử phạt thuế

Khoản nhỏ so với quy mô lợi nhuận · không ảnh hưởng đáng kể đến triển vọng cơ bản

TRIỂN VỌNG NỬA CUỐI NĂM

Nửa cuối năm là mùa cao điểm tiêu thụ, chủ yếu do cầu tiêu dùng cuối ở kênh OTC (~70% doanh thu) theo mùa bệnh hô hấp/cảm cúm, cùng biên gộp mở rộng bền vững nhờ dịch chuyển sang hàng tự sản xuất giá trị cao (**EU-GMP/Japan-GMP**). Đã đạt **70,1% kế hoạch năm** sau 6 tháng, DHG nhiều khả năng vượt xa kế hoạch; TCBS Research dự phóng LNTT cả năm **~1.336 tỷ (+35,4% svck)**. Rủi ro cần theo dõi là giá nguyên liệu nhập khẩu, biến động tỷ giá và chi phí bán hàng mang tính mùa vụ.

LNTT 2026F · TCBS

1.336tỷ đồng · **+35,4% svck**

DT THUẦN 2026F

5.681tỷ đồng · **+7,9% svck**

ROE 2026F

~27,7%

cải thiện từ 20,7%

CỔ TỨC TIỀN MẶT

~100%

mệnh giá · tỷ suất ~10,4%

THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐỊNH GIÁ · tại ngày 10/08/2026

GIÁ · ĐỒNG

95.900

VỐN HÓA · TỶ Đ

12.538

P/E · LẦN

13,0

P/B · LẦN

3,7

BVPS · ĐỒNG

26.147

TỶ SUẤT CỔ TỨC

~10,4%

1. Đánh giá của TCBS

Quan điểm về kết quả Quý 2, môi trường kinh doanh và triển vọng thời gian tới

KQKD quý 2 ghi nhận kết quả tích cực, khi lợi nhuận tăng nhanh hơn nhiều so với doanh thu. Doanh thu thuần đạt 1.363 tỷ đồng (+15,1% svck), nhưng lợi nhuận trước thuế tăng **31,5%** lên 358 tỷ nhờ hai lực đẩy cộng hưởng: biên lợi nhuận gộp mở rộng lên mức kỷ lục **51,9%** (+2,5 điểm phần trăm) và chi phí lãi vay giảm về gần 0 sau khi doanh nghiệp tắt toán toàn bộ nợ vay từ cuối năm 2025. Đây là biểu hiện của đòn bẩy vận hành: khi chi phí hoạt động tăng chậm hơn doanh thu và chi phí gần như không tăng theo doanh thu, phần lớn doanh thu tăng thêm được chuyển hóa thành lợi nhuận. Một điểm cần lưu ý là lợi nhuận sau thuế quý 2 giảm nhẹ 5,4% so với quý 1, nhưng nguyên nhân chủ yếu đến từ thời điểm ghi nhận thuế: thuế suất hiệu dụng tăng từ 9,1% ở quý 1 lên 16,6% ở quý 2, chứ không phản ánh sự suy yếu của hoạt động kinh doanh cốt lõi; xét trước thuế, lợi nhuận quý 2 vẫn nhỉnh hơn quý 1.

TCBS Research đánh giá triển vọng nửa cuối năm tích cực, với khả năng vượt xa kế hoạch lợi nhuận cả năm. Sau 6 tháng, Dược Hậu Giang đã hoàn thành **70,1% kế hoạch lợi nhuận trước thuế** mà Đại hội đồng cổ đông giao (1.007 tỷ đồng, đặt thận trọng và gần như đi ngang so với mức thực hiện năm 2025). Nửa cuối năm lại là mùa cao điểm tiêu thụ dược phẩm, chủ yếu do cầu tiêu dùng cuối ở kênh OTC (chiếm ~70% doanh thu) tăng theo mùa bệnh hô hấp/cảm cúm và nhu cầu mua sắm cuối năm, hơn là do lịch mở thầu của kênh ETC; nhờ đó khả năng không hoàn thành kế hoạch ở mức thấp. Quan trọng hơn, biên lợi nhuận gộp cải thiện mang tính cấu trúc chứ không nhất thời: doanh nghiệp đang dịch chuyển tỷ trọng sang các sản phẩm tự sản xuất giá trị cao trên dây chuyền đạt chuẩn Japan-GMP và EU-GMP, với biên gộp đạt **54,2%**, thay cho hàng thương mại mua ngoài vốn biên mỏng. Chúng tôi dự phóng lợi nhuận trước thuế cả năm khoảng **1.336 tỷ đồng (+35,4% svck)**. Ba biến số cần theo dõi ở chiều ngược lại là giá nguyên liệu dược nhập khẩu, biến động tỷ giá và tính mùa vụ của chi phí bán hàng, vốn thường dồn vào quý 4.

Mức định giá hiện tại vẫn hấp dẫn so với vị thế đầu ngành và chất lượng bảng cân đối của DHG. Ở thị giá 95.900 đồng, cổ phiếu giao dịch tại **P/E dự phóng khoảng 10,6 lần**, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình khoảng 14 lần của nhóm doanh nghiệp sản xuất thuốc gốc niêm yết (IMP, DBD, TRA, OPC), trong khi Dược Hậu Giang là doanh nghiệp dẫn đầu về quy mô và chất lượng tài sản: **không vay nợ**, nắm hơn 1.765 tỷ đồng tiền mặt và tiền gửi, ROE duy trì ở mức cao (2026F ~27,7%). ROE cao chủ yếu đến từ khả năng sinh lời cốt lõi; bên cạnh đó, do doanh nghiệp chia phần lớn lợi nhuận làm cổ tức thay vì giữ lại nên vốn chủ không tăng nhanh, càng giúp ROE ở mức cao. Chính sách cổ tức đều đặn khoảng 100% mệnh giá (suất cổ tức khoảng 10,4%) hỗ trợ tổng mức sinh lời của cổ đông. Với P/E thấp, vị thế đầu ngành và cổ tức hấp dẫn, TCBS Research cho rằng nhà đầu tư có thể theo dõi và chờ các nhịp điều chỉnh để giải ngân ở vùng giá phù hợp, lưu ý thanh khoản hạn chế do free float thấp (~5,7%). Ngoài các yếu tố cơ bản, chúng tôi lưu ý hai vấn đề. Về tư cách công ty đại chúng, việc Taisho (51,0%) và SCIC (43,3%) nắm tới 94,3% vốn khiến tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng chỉ còn khoảng 5,7%, thấp hơn ngưỡng tối thiểu 10%, và doanh nghiệp dự kiến xử lý bằng phát hành cổ phiếu thưởng. Bên cạnh đó là khoản truy thu, xử phạt thuế 10,4 tỷ đồng, không đáng kể so với quy mô lợi nhuận.

2. Kết quả kinh doanh Quý 2/2026

Doanh thu, biên lợi nhuận gộp và lợi nhuận quý 2 so với cùng kỳ, quý trước và kế hoạch năm

Lợi nhuận trước thuế quý 2 đạt **358 tỷ đồng (+31,5% svck)** và tăng 3,2% so với quý 1; lũy kế 6 tháng đạt 706 tỷ đồng (+24,7% svck), tương đương **70,1% kế hoạch lợi nhuận cả năm** — cao hơn nhiều so với mốc ~50% theo tiến độ thời gian, cho thấy nhiều khả năng vượt kế hoạch (vốn được ĐHĐCĐ đặt thận trọng).

BA ĐIỂM RÚT RA

- 01 Biên lợi nhuận gộp lập kỷ lục 51,9%**, tăng 2,5 điểm phần trăm svck. Động lực chính là dịch chuyển cơ cấu sang thuốc tự sản xuất (biên 54,2%) thay cho hàng thương mại mua ngoài (biên 22,9%).
- 02 Đòn bẩy vận hành và chi phí lãi vay giảm về gần 0 hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận:** LNTT tăng 31,5% dù doanh thu thuần chỉ tăng 15,1%. Tất toán hết nợ vay đưa chi phí tài chính về tối thiểu, giúp lợi nhuận tăng mạnh.
- 03 LNST giảm nhẹ q/q chủ yếu do thuế suất tăng, trong khi hoạt động kinh doanh cốt lõi vẫn cải thiện:** LNST giảm 5,4% q/q vì thuế suất tăng từ 9,1% lên 16,6%. Xét trước thuế, lợi nhuận quý 2 nhỉnh hơn quý 1.

DOANH THU THUẦN

1.363

tỷ đồng · **+15,1% svck**

LỢI NHUẬN GỘP

708

tỷ đồng · **+21,0% svck**

BIÊN LỢI NHUẬN GỘP

51,9%

kỷ lục · **+2,5 điểm % svck**

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

358

tỷ đồng · **+31,5% svck**

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

299

tỷ đồng · **+26,1% svck**

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

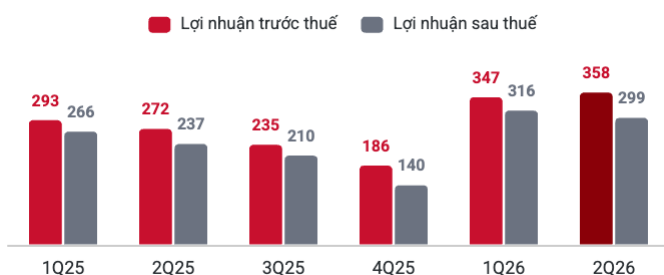
11

tỷ đồng · **-49,8% svck**

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q2/2026	Q2/2025	%svck	Q1/2026	%q/q
Doanh thu thuần	1.363	1.184	+15,1	1.198	+13,8
Giá vốn hàng bán	-655	-599	+9,4	-598	+9,6
Lợi nhuận gộp	708	585	+21,0	600	+17,9
Chi phí bán hàng & quản lý	-363	-331	+9,4	-271	+33,9
Doanh thu tài chính & khác (ròng)	+13	+18	-29,9	+18	-27,9
Lợi nhuận trước thuế	358	272	+31,5	347	+3,2
Chi phí thuế TNDN	-60	-35	+67,9	-32	+88,6
Lợi nhuận sau thuế	299	237	+26,1	316	-5,4

■ Lợi nhuận trước thuế & sau thuế theo quý

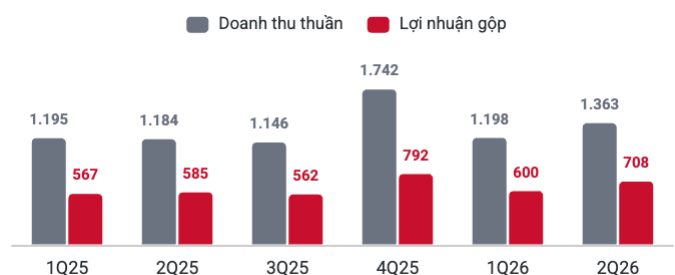
Tỷ đồng · LNTT Q2/2026 đạt mức cao nhất trong 6 quý gần nhất



Nguồn: BCTC hợp nhất DHG, TCBS tổng hợp

■ Doanh thu thuần & lợi nhuận gộp theo quý

Tỷ đồng · lợi nhuận gộp tăng nhanh hơn doanh thu



Nguồn: BCTC hợp nhất DHG, TCBS tổng hợp

3. Phân tích các chỉ số tài chính

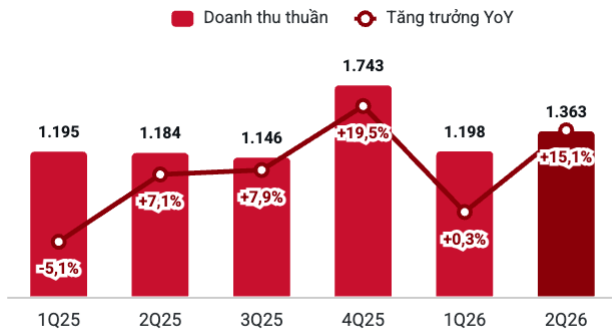
Phân tích mức thực hiện, biến động svck/đầu năm và các yếu tố tác động

3.1. Doanh thu

Doanh thu thuần quý 2 đạt **1.363 tỷ đồng (+15,1% svck, +13,8% q/q)**, mức tăng hai chữ số phản ánh cả sản lượng lẫn cải thiện cơ cấu sản phẩm.

■ Doanh thu thuần và tăng trưởng YoY

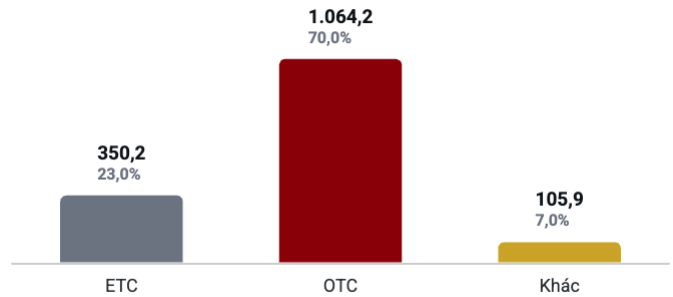
Cột: doanh thu (tỷ đồng) · đường: tăng trưởng YoY (%; trục phải)



Nguồn: BCTC hợp nhất DHG, TCBS tổng hợp

■ Cơ cấu doanh thu Q2 theo kênh

Tỷ đồng · tổng doanh thu bán hàng 1.520 tỷ · OTC dẫn dắt 70%



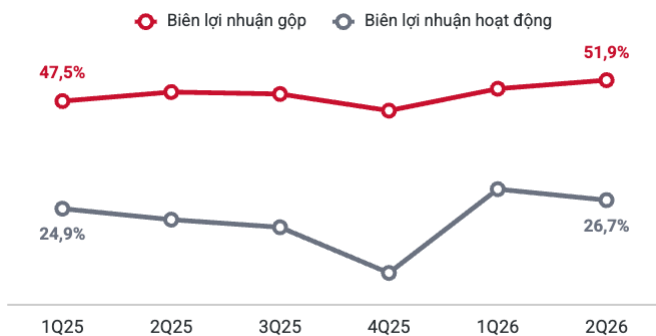
Nguồn: BCTC hợp nhất DHG, TCBS tổng hợp

- **Doanh thu thuần quý 2 tăng 15,1% svck và 13,8% q/q**, với cả hai kênh phân phối cùng ghi nhận tăng trưởng. Kênh OTC (nhà thuốc) tiếp tục là trụ cột, chiếm khoảng 70% doanh thu (1.064 tỷ đồng) và tăng 13,6% svck; kênh ETC (bệnh viện) đóng góp 23% (350 tỷ đồng) và tăng 11,1% svck; phần còn lại khoảng 7% đến từ nhóm khác.
- **Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần đạt 2.561 tỷ đồng**, hoàn thành 46,3% kế hoạch năm và phù hợp với dự phóng cả năm của chúng tôi. TCBS Research dự phóng doanh thu thuần cả năm khoảng 5.681 tỷ đồng, tăng 7,9% svck, vượt kế hoạch 5.530 tỷ đồng được ĐHCĐ thông qua.

3.2. Biên lợi nhuận gộp

■ Biên lợi nhuận gộp và biên hoạt động

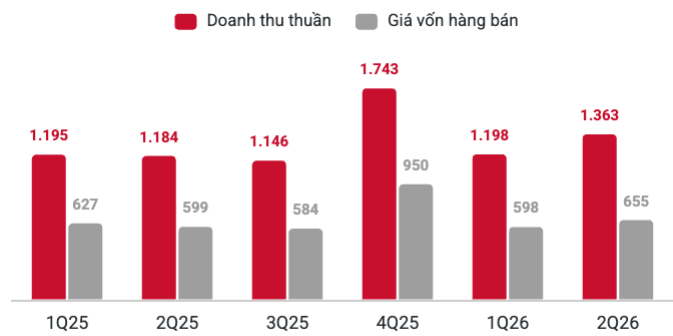
% · theo quý · biên hoạt động tính trên doanh thu



Nguồn: BCTC hợp nhất DHG, TCBS tổng hợp

■ Doanh thu thuần và giá vốn hàng bán

Tỷ đồng · 6 quý gần nhất



Nguồn: BCTC hợp nhất DHG, TCBS tổng hợp

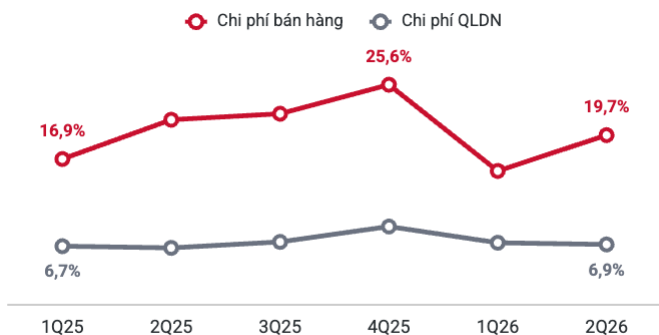
- **Biên lợi nhuận gộp quý 2 đạt mức cao kỷ lục 51,9%**, tăng 2,5 điểm phần trăm svck và 1,8 điểm q/q, nổi dài xu hướng cải thiện nhiều quý liên tiếp. Động lực là dịch chuyển cơ cấu sang thuốc tự sản xuất (biên gộp tới 54,2%) thay cho hàng thương mại mua ngoài (~22,9%), trên dây chuyền đạt chuẩn Japan-GMP và EU-GMP.
- **Biên gộp giảm về 45,5% ở quý 4/2025 chỉ mang tính mùa vụ**, trong quý cao điểm cuối năm, doanh nghiệp thường đẩy mạnh hàng thương mại và khuyến mại. Sang năm 2026, biên gộp phục hồi lên trên 50%, cho thấy xu hướng cải thiện chưa bị đảo chiều và là điểm sáng nổi bật nhất kỳ này. TCBS Research cho rằng biên gộp duy trì quanh 51–52% các quý tới. Biến số cần theo dõi là giá nguyên liệu và tỷ giá.

3.3. Chi phí hoạt động, đòn bẩy tài chính & sức khỏe bảng cân đối

Cấu trúc chi phí hoạt động của Dược Hậu Giang ổn định, trong khi bảng cân đối kế toán đặc biệt lành mạnh, **không còn nợ vay** kể từ cuối năm 2025 và luôn duy trì lượng tiền ròng lớn. Đây là nền tảng cho khả năng chi trả cổ tức tiền mặt cao và bền vững.

■ Chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu thuần

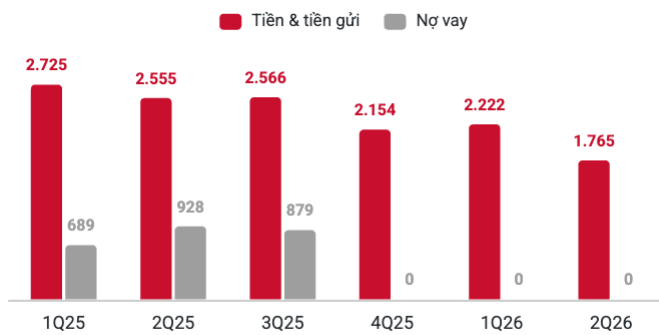
% doanh thu thuần · theo quý



Nguồn: BCTC hợp nhất DHG, TCBS tổng hợp

■ Tiền & tiền gửi so với nợ vay

Tỷ đồng · doanh nghiệp hết nợ vay từ Q4/2025



Nguồn: BCTC hợp nhất DHG, TCBS tổng hợp

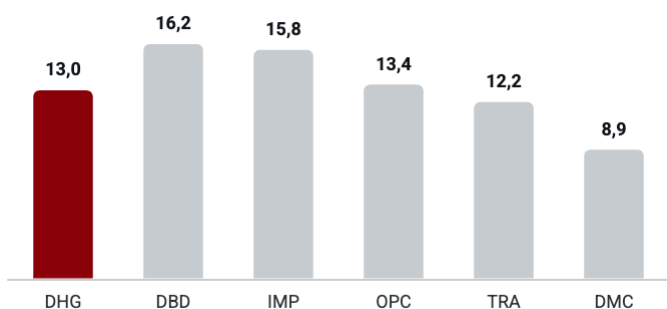
■ **Việc không còn nợ vay là điểm nổi bật của bảng cân đối:** Dược Hậu Giang đã tắt toán toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn từ quý 4/2025, đưa chi phí lãi vay về gần 0. Với hơn 1.765 tỷ đồng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, doanh nghiệp duy trì vị thế tiền ròng 1.765 tỷ đồng, khá hiếm trong nhóm doanh nghiệp sản xuất.

■ **Nợ phải trả tăng vọt từ 803 tỷ lên 1.587 tỷ đồng không đến từ vay nợ,** mà do ghi nhận toàn bộ cổ tức 2025 (~1.307 tỷ đồng); một nửa đã chi trả (đợt 1: 5.000 đồng/cổ phiếu), phần còn lại nằm ở khoản "cổ tức phải trả". Vốn chủ sở hữu giảm tương ứng về 3.418 tỷ đồng, chủ yếu phản ánh việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông, không phải lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh.

3.4. Khả năng sinh lời, cổ tức & định giá

■ P/E một số doanh nghiệp dược niêm yết

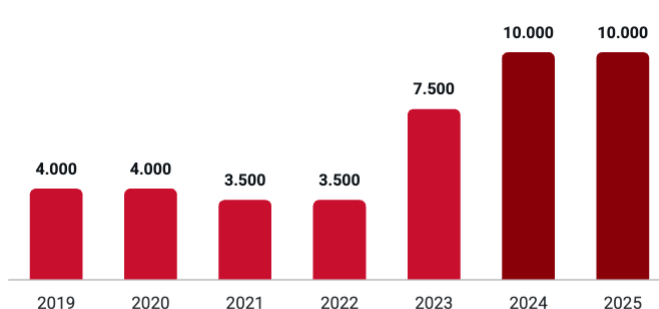
Lần · DHG so với nhóm thuốc gốc



Nguồn: FiinX, TCBS tổng hợp và tính toán

■ Cổ tức tiền mặt theo năm

Đồng/cổ phiếu · duy trì cao và ổn định



Nguồn: Dược Hậu Giang, TCBS tổng hợp

■ **DHG đang giao dịch với mức P/E thấp hơn nhóm thuốc gốc cùng ngành:** cổ phiếu giao dịch ở P/E trượt 13,0 lần và dự phóng ~10,6 lần, thấp hơn trung bình nhóm (~14 lần) cùng các đối thủ IMP (15,8) và DBD (16,2). Mức chiết khấu này chưa phản ánh đầy đủ vị thế đầu ngành; trên nền định giá hấp dẫn, TCBS Research đánh giá tích cực đối với cổ phiếu ở vùng giá hiện tại.

■ **Chính sách cổ tức tiền mặt cao và ổn định là một điểm hấp dẫn của DHG:** doanh nghiệp duy trì cổ tức khoảng 100% mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu) hai năm 2024–2025, tỷ suất ~10,4%, thuộc nhóm cao nhất thị trường. Dược hậu thuận bởi bảng cân đối không nợ vay và dòng tiền mạnh, chính sách này bền vững, phù hợp với khẩu vị của nhà đầu tư tìm kiếm dòng tiền ổn định.

Phụ lục · Số liệu tài chính Quý 2/2026

Trích lược bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q2/2025	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026
Tiền & tương đương tiền	80	306	130	704	182
Đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi)	2.475	2.260	2.024	1.519	1.583
Các khoản phải thu ngắn hạn	497	571	684	598	685
Hàng tồn kho	1.088	1.138	1.025	1.121	1.236
Tài sản ngắn hạn khác	25	24	26	50	59
Tài sản dài hạn	1.330	1.302	1.285	1.254	1.261
TỔNG TÀI SẢN	5.495	5.601	5.174	5.246	5.005
Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	928	879	0	0	0
Nợ phải trả khác	779	724	1.037	803	1.587
Tổng nợ phải trả	1.707	1.603	1.037	803	1.587
Vốn chủ sở hữu	3.788	3.998	4.137	4.443	3.419

Báo cáo kết quả kinh doanh (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q2/2025	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026
Doanh thu thuần	1.184	1.146	1.742	1.198	1.363
Giá vốn hàng bán	-599	-584	-950	-598	-655
Lợi nhuận gộp	585	562	792	600	708
Doanh thu hoạt động tài chính	35	36	29	30	30
Chi phí tài chính	-22	-21	-18	-12	-11
Chi phí bán hàng	-255	-254	-446	-185	-268
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-76	-82	-158	-85	-95
Lợi nhuận khác & liên kết (ròng)	+5	-5	-13	0	-6
Lợi nhuận trước thuế	272	235	186	347	358
Chi phí thuế TNDN	-36	-25	-46	-32	-60
Lợi nhuận sau thuế	237	210	140	316	299

Nguồn: BCTC hợp nhất DHG, TCBS tổng hợp.

Phụ lục · Mô hình tài chính & dự phóng theo năm · 2021–2030

Đơn vị: tỷ đồng (trừ các dòng tỷ lệ, lần, %, số ngày) · Cột 2026–2030 là số liệu dự phóng

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN					DỰ PHÓNG · TCBS				
	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Số lượng cổ phiếu (triệu)	131	131	131	131	131	131	131	131	131	131
P/E (lần)	15,7	12,4	11,6	15,8	14,3	10,6	9,8	9,0	8,3	7,7
EPS (đồng/cp)	5.944	7.560	8.036	5.935	6.519	9.042	9.783	10.620	11.521	12.490
P/B (lần)	3,2	2,8	2,5	3,0	3,0	2,8	2,6	2,4	2,3	2,1
BVPS (đồng/cp)	28.988	32.823	37.117	31.318	31.644	33.750	36.030	38.505	41.190	44.100
EV/EBITDA (lần)	13,2	10,7	11,2	11,8	11,4	8,7	8,1	7,5	7,0	6,5
ROE	21,1%	24,5%	23,0%	17,3%	20,7%	27,7%	28,0%	28,5%	28,9%	29,3%
Biên lợi nhuận gộp	48,0%	48,3%	46,7%	43,8%	47,6%	52,1%	52,1%	52,1%	52,1%	52,1%
Biên lợi nhuận hoạt động	21,5%	23,0%	21,0%	18,8%	18,1%	22,7%	22,7%	22,7%	22,7%	22,7%
Biên lợi nhuận ròng	19,4%	21,1%	20,9%	15,9%	16,2%	20,8%	20,9%	21,0%	21,1%	21,2%
Doanh thu / Tài sản	0,9	1,0	0,9	0,8	0,9	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
(Vay – Tiền) / Vốn CSH	-0,5	-0,5	-0,4	-0,5	-0,5	-0,6	-0,6	-0,6	-0,6	-0,7
Vay ngắn hạn / Vay dài hạn	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
EBIT / Lãi vay (lần)	71,3	85,7	35,6	37,1	37,2	–	–	–	–	–
Vay / EBITDA (lần)	0,2	0,1	0,3	0,6	0,3	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Số ngày phải thu	35	27	32	42	41	41	41	41	41	41
Số ngày tồn kho	166	175	190	176	141	136	131	131	131	131
Capex / Tài sản cố định	3%	29%	57%	7%	3%	5%	7%	6%	8%	9%
Doanh thu thuần	4.003	4.676	5.015	4.885	5.267	5.681	6.128	6.610	7.130	7.691
Tăng trưởng doanh thu	–	+17%	+7%	-3%	+8%	+8%	+8%	+8%	+8%	+8%
EBITDA	945	1.157	1.141	1.090	1.072	1.411	1.516	1.628	1.750	1.881
LNST cổ đông công ty mẹ	777	988	1.051	776	852	1.182	1.279	1.388	1.506	1.633
Tăng trưởng lợi nhuận	–	+27%	+6%	-26%	+10%	+39%	+8%	+9%	+8%	+8%
Tiền & đầu tư ngắn hạn	2.153	2.389	2.324	2.808	2.154	2.508	2.820	3.153	3.500	3.870
Phải thu khách hàng	364	320	564	557	615	664	716	772	833	898
Hàng tồn kho	1.073	1.251	1.535	1.115	1.025	1.010	1.089	1.175	1.268	1.367
Tổng tài sản	4.618	5.168	6.110	5.959	5.174	5.505	5.903	6.321	6.773	7.263
Vay ngắn hạn	207	115	572	650	0	0	0	0	0	0
Vay dài hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng vay	207	115	572	650	0	0	0	0	0	0
Tổng nợ	825	877	1.258	1.864	1.037	1.093	1.193	1.286	1.388	1.497
Vốn chủ sở hữu	3.790	4.292	4.853	4.095	4.137	4.413	4.711	5.034	5.385	5.766
Cân đối vốn dài hạn	2.970	3.407	3.453	2.814	2.923	3.267	3.625	4.022	4.437	4.880
Dòng tiền tự do (FCF)	552	737	112	1.923	849	1.255	1.287	1.392	1.495	1.614

Nguồn: BCTC hợp nhất DHG, dự phóng TCBS Research.

© Techcom Securities | Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội | Hotline: 1900 23 23 66 | www.tcbs.com.vn

Để không bỏ lỡ các báo cáo phân tích mới nhất từ TCBS Research, Quý khách vui lòng đăng ký địa chỉ email qua link sau: **Đăng ký**.

Mọi góp ý về báo cáo phân tích, Quý khách vui lòng gửi về địa chỉ research.feedback@tcbs.com.vn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Miễn trừ trách nhiệm:

Thông tin trong báo cáo được tổng hợp từ các nguồn TCBS đánh giá là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành, nhưng TCBS không bảo đảm tính chính xác hoặc đầy đủ. Các nhận định phản ánh quan điểm của TCBS tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích tham khảo, không phải khuyến nghị đầu tư. Nhà đầu tư tự đánh giá và chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình. Hiệu quả trong quá khứ không bảo đảm kết quả trong tương lai; đầu tư luôn có rủi ro, kể cả mất vốn.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, TCBS không chịu trách nhiệm đối với tổn thất phát sinh từ việc sử dụng báo cáo. Báo cáo thuộc sở hữu của TCBS; mọi sao chép, trích dẫn hoặc phân phối lại phải được TCBS chấp thuận bằng văn bản.